TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HS-PT
Ngày: 13/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Thẩm phán: Ông Hồ Đức Quang

Ông Bùi Đình Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên

Ngày 13/8/2018 tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 68/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Lê Quang C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Quang C, sinh ngày 02/9/1966, tại phường Đ, TP.H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: khối 12, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ văn hóa: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1947; vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1971; có 03 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; sức khỏe bình thường, tự bào chữa; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại không kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; trú tại: xóm Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Trần Thị L, sinh năm 1978; trú tại: xóm P, xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

2. Đặng Thị V, sinh năm 1968; trú tại: xóm T, xã T2, huyện Ca, tỉnh Hà Tĩnh

3. Nguyễn Viết T, sinh năm 1975; trú tại: tổ 1, phường B, TP.H, tỉnh Hà Tĩnh

4. Phạm Thị N, sinh năm 1971; trú tại: khối 12, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vợ bị cáo Lê Quang C)

Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến nội dung kháng cáo của bị cáo nên tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2015, Lê Quang C có mối quan hệ quen biết với chị Trần Thị L (sinh năm 1978, trú tại xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh). Quá trình quen biết, C giới thiệu với chị L là C có bạn làm việc trong UBND tỉnh Hà Tĩnh có thể xin việc làm, luân chuyển công tác cho những người có nhu cầu và C khẳng định đã xin việc, chuyển công tác cho nhiều người. Cùng thời điểm đó, chị L có bạn là Nguyễn Thị L (sinh năm 1979 quê ở xã Q, huyện C) hiện đang là giáo viên ở một trường thuộc huyện miền núi tỉnh Nghệ An đang có nhu cầu xin chuyển công tác về tỉnh Hà Tĩnh. Chị L đã giới thiệu Lê Quang C cho chị L. Vào ngày không nhớ tháng 2/2015, chị L và chị L hẹn gặp Lê Quang C tại một quán cà phê ở thị trấn N, huyện C để bàn chuyện xin chuyển công tác cho chị L. Sau khi trao đổi, Lê Quang C nói với chị L nộp hồ sơ cho C, C sẽ giúp chị L trong việc chuyển công tác, sau đó hai bên trao đổi số điện thoại cho nhau. Trong những lần liên lạc qua điện thoại, Công vẫn khẳng định có thể xin chuyển công tác cho chị L từ huyện Q, tỉnh Nghệ An về huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Do tin tưởng C có thể xin chuyển công tác cho mình nên khoảng tháng 3/2015, chị L cùng với chị L đến nhà C để nộp hồ sơ xin chuyển công tác và thống nhất chi phí là 80.000.000đ, lúc đó chị L mới nộp hồ sơ nhưng chưa đưa tiền. Khoảng một tháng sau, C gọi điện báo với chị L đã nộp hồ sơ cho

chị L và nói chị L đưa tiền để đưa cho cấp trên. Vào ngày 29/4/2015, chị L và chị L đến nhà C đưa trước cho C số tiền 30.000.000đ, có viết giấy giao nhận tiền. Mặc dù khi nhận hồ sơ và tiền của chị L, C hứa sẽ chuyển công tác cho chị L trước năm học mới nhưng thực tế C đã không nộp hồ sơ của chị L cho cơ quan, đơn vị hay cá nhân nào cả. Còn số tiền nhận của chị L, Công dùng để trả nợ cho chị Đặng Thị V (sinh năm 1968 trú ở xã T, huyện C). Đến đầu tháng 9/2015, vì thấy chưa có tin tức gì nên chị L đã gọi điện hỏi C về việc chuyển công tác thì C bảo đợi thêm thời gian nữa nhưng chờ mãi vẫn không có kết quả, biết mình bị lừa, chị L đã yêu cầu C trả lại tiền nhưng C vẫn không trả nên chị L làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an huyện C.

Sau khi bị phát giác, Lê Quang C thú nhận hành vi phạm tội của mình nhưng cho rằng không có khả năng để trả lại tiền cho chị L.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 139, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999

Xử phạt Lê Quang C 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/5/2018 bị cáo Lê Quang C có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã trình bày trong đơn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Quang C có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.Về nội dung, xét thấy hành vi dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt số tiền của 30.000.000đ của chị Nguyễn Thị L là vi phạm pháp luật, đủ các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS 1999, điểm a khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bản án sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, xử phạt bị cáo Lê Quang C 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo sớm hòa tái hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm

[2] Về nội dung: Vào đầu năm 2015 do cần có tiền chi tiêu phục vụ cá nhân, Lê Quang C đã giả dối đưa ra thông tin xin chuyển công tác, xin việc làm được rồi gợi ý với chị Trần Thị L giới thiệu người cho C. Do tin tưởng, chị L đã giới thiệu cho C chị Nguyễn Thị L – người đang có nhu cầu xin chuyển công tác từ huyện miền núi tỉnh Nghệ An về tỉnh Hà Tĩnh. Khi gặp chị L, cũng bằng thủ đoạn trên, C đưa ra thông tin giả dối có thể xin chuyển công tác được và đã xin được cho nhiều người nên chị L tin tưởng giao hồ sơ và đưa trước 30.000.000đ để nhờ C xin chuyển công tác cho chị L từ tỉnh Nghệ An về tỉnh Hà Tĩnh. Nhưng sau đó C không làm gì cả cho chị L và chiếm đoạt luôn của chị L số tiền 30.000.000đ. Do đó, bản án sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 18/5/2018 của TAND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử bị cáo Lê Quang C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 BLHS 1999, điểm a khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ vì muốn có tiền chi tiêu cho nhu cầu cá nhân mà bị cáo xem thường pháp luật, bất chấp dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, gây bất bình trong xã hội, ảnh hương đến an ninh trị an ở địa phương. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xử có phần hơi cao đối với bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường đầy đủ cho bị hại, được bị hại đề nghị

giảm nhẹ hình phạt, bị cáo mất sức lao động đến 71%, đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ, có mẹ là người có công (được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến) quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX nhận thấy, bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi phạm tội, hiện gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, hiện tại bị cáo mất sức lao động, bên bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Qua đó HĐXX căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội cần thiết có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo để bị cáo sớm có thể tái hòa nhập với xã hội, làm lại cuộc đời. Trên cơ sở đó HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Quang C.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Quang C.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 18/5/2018 của TAND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Quang C.

Tuyên bố bị cáo **Lê Quang C** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo **Lê Quang C** 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí của Tòa án, bị cáo Lê Quang C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, THS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu